VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2020/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2020*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3

a) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Hàng giả bao gồm các loại hàng hóa theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng."

b) Khoản 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"6. Kiểm soát hải quan đối với hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là việc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan hoặc/và các biện pháp

nghiệp vụ khác do cơ quan hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong địa bàn hoạt động hải quan."

c) Khoản 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"7. Đơn đề nghị bao gồm: Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ."

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

a) Khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Khiếu nại, khởi kiện các quyết định xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan hải quan liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về khiếu nại, pháp luật tố tụng hành chính."

b) Bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan để thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm soát và cập nhật các nội dung liên quan đến phân biệt hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng thật đã được bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ."

3. Khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"5. Giải quyết khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan hải quan liên quan đến sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về khiếu nại."

4. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 6. Nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

1. Người nộp Đơn đề nghị gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đến Tổng cục Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, gồm:

a) Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo mẫu số 01 - ĐĐN/SHTT/2020 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này;

b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc tài liệu khác chứng minh quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ tại Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng hoặc tài liệu khác chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng;

c) Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, ảnh chụp, các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

d) Danh sách những người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa có yêu cầu giám sát; danh sách những người có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

đ) Văn bản ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền nộp đơn).

Nội dung ủy quyền phải phù hợp với quy định pháp luật; trường hợp tổ chức, cá nhân ủy quyền không có trụ sở tại Việt Nam thì văn bản ủy quyền phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự theo thỏa thuận tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

e) Chứng từ nộp phí hải quan theo quy định tại Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.

2. Trường hợp các tài liệu cung cấp cho Tổng cục Hải quan theo quy định tại Điều này có thay đổi, bổ sung thì người nộp Đơn đề nghị có trách nhiệm thông báo cho Tổng cục Hải quan thông tin về số, ngày văn bản thông báo chấp nhận kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan và các thông tin có thay đổi, bổ sung kèm tài liệu liên quan đến thông tin thay đổi, bổ sung theo phương thức quy định tại Điều này.

Cơ quan hải quan kiểm tra, đối chiếu thông tin theo thông báo của người nộp Đơn đề nghị với hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát đã được chấp nhận và có văn bản thông báo về việc thay đổi, bổ sung thông tin gửi Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Cục Điều tra chống buôn lậu.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa đáp ứng hoặc bị lỗi, người nộp Đơn đề nghị nộp 01 bộ hồ sơ giấy gồm các chứng từ quy định tại Điều này tại bộ phận Một cửa của Tổng cục Hải quan hoặc gửi qua bưu điện tới Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan). Chứng từ quy định tại điểm a, c, d, khoản 1 Điều này là bản chính; chứng từ quy định tại điểm b, đ, e, khoản 1 Điều này là bản chụp có ký tên, đóng dấu xác nhận của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp".

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7

a) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Sau khi nhận đủ bộ hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra các nội dung sau:

a) Tư cách pháp lý của người nộp Đơn đề nghị theo quy định của pháp luật;

b) Sự phù hợp giữa nội dung Đơn với các tài liệu gửi kèm; thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

c) Ảnh chụp phù hợp với nội dung quyền sở hữu trí tuệ có yêu cầu bảo vệ hoặc nội dung tố cáo hành vi vi phạm;

d) Nội dung ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan hải quan có văn bản thông báo cho người nộp Đơn đề nghị để nộp bổ sung."

b) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Các trường hợp từ chối tiếp nhận đơn:

a) Người nộp Đơn đề nghị không đủ tư cách pháp lý nộp đơn theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung Đơn đề nghị và tài liệu gửi kèm không phù hợp, thống nhất;

c) Trong thời gian xử lý Đơn đề nghị, cơ quan hải quan nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

d) Hồ sơ nộp bổ sung quá thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hải quan gửi thông báo nộp bổ sung quy định tại khoản 1 Điều này".

6. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Gia hạn và chấm dứt thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

1. Trường hợp người nộp Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp gửi Đơn đề nghị gia hạn đến Tổng cục Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chậm nhất 20 ngày trước ngày hết hiệu lực ghi trong văn bản thông báo chấp nhận đề nghị kiểm tra, giám sát; trong Đơn nêu rõ thông tin về số, ngày và thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đề nghị gia hạn; số, ngày văn bản thông báo chấp nhận kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Cơ quan Hải quan tiếp nhận Đơn đề nghị gia hạn và xử lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa đáp ứng hoặc bị lỗi, Đơn đề nghị gia hạn được nộp tại bộ phận Một cửa của Tổng cục Hải quan hoặc gửi qua bưu điện tới Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan).

2. Các trường hợp chấm dứt áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát:

a) Hết thời hạn hiệu lực ghi trong văn bản thông báo chấp nhận Đơn đề nghị mà người nộp đơn đề nghị không có văn bản đề nghị gia hạn;

b) Người nộp Đơn đề nghị có văn bản gửi Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) đề nghị chấm dứt việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ có thông báo hủy bỏ văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã cấp cho người nộp Đơn đề nghị;

d) Cơ quan hải quan có cơ sở xác định chứng từ trong hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát không còn hiệu lực hoặc giả mạo.

3. Trường hợp chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này, Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) gửi văn bản thông báo cho Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Cục Điều tra chống buôn lậu và người nộp Đơn đề nghị trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người nộp Đơn hoặc thông báo của cơ quan quản lý nhà nước."

7. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 9. Nộp hồ sơ đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan

Người nộp Đơn đề nghị gửi hồ sơ đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đến Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan như sau:

1. Trường hợp Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) chưa chấp nhận Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát, hồ sơ đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan gồm:

a) Hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

b) Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan theo mẫu số 02 -ĐTD/SHTT/2020 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc khoản tiền đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan;

d) Chứng từ nộp phí hải quan theo tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa đáp ứng hoặc bị lỗi, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp nộp 01 bộ hồ sơ giấy gồm các chứng từ quy định tại Điều này cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan. Chứng từ tại điểm b, c khoản này là bản chính, chứng từ tại điểm d khoản này là bản chụp có ký tên, đóng dấu xác nhận của người nộp Đơn đề nghị.

2. Trường hợp Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) đã có văn bản thông báo chấp nhận Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát: Hồ sơ đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan gồm các chứng từ quy định tại điểm b, c, d, khoản 1 Điều này."

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10

a) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan. Trong trường hợp

người yêu cầu tạm dừng có lý do chính đáng thì thời hạn này có thể gia hạn với điều kiện người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan phải nộp thêm khoản tiền hoặc chứng từ bảo lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan. Thời hạn gia hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tạm dừng.

Sau khi người nộp Đơn đề nghị có Đơn đề nghị gia hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan và đã nộp khoản tiền hoặc chứng từ bảo lãnh, Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng thực hiện việc gia hạn thời gian tạm dừng theo mẫu số 04 - GHTD/SHTT/2020 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này."

b) Khoản 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Kết thúc thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng có trách nhiệm thực hiện một hoặc đồng thời các công việc sau:

a) Trường hợp qua kiểm tra xác định hàng hóa bị tạm dừng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

a.1) Quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục hành chính trên cơ sở kết luận giám định của tổ chức giám định về sở hữu trí tuệ (trong trường hợp trưng cầu giám định); ý kiến chuyên môn của các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, các cơ quan quản lý Nhà nước khác (trong trường hợp lấy ý kiến cơ quan chuyên môn); tài liệu, chứng cứ do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp cung cấp;

a.2) Quyết định tạm giữ hàng hóa trong trường hợp có cơ sở khẳng định hàng hóa bị tạm dừng là hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ; hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các mặt hàng lương thực, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng.

Thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa xâm phạm quyền sở trí tuệ theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành, Chi cục Hải quan hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền đã nộp theo khoản 3 Điều 74, khoản 3 Điều 76 Luật Hải quan và thông báo bằng văn bản buộc người vi phạm phải thanh toán các khoản chi phí phát sinh do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

a.3) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định áp dụng biện pháp hành chính để xử lý đối với hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và hàng hóa sao chép lậu

theo quy định tại khoản 4 Điều 216 Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan hải quan nơi ban hành Quyết định xử lý vi phạm có văn bản thông báo theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp các thông tin sau: Tên và địa chỉ của người gửi hàng; nhà xuất khẩu, người nhận hàng hoặc nhà nhập khẩu; bản mô tả hàng hóa; số lượng hàng hóa; nước xuất xứ của hàng hóa nếu biết.

b) Trường hợp qua kiểm tra xác định hàng hóa bị tạm dừng không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì làm tiếp thủ tục hải quan cho lô hàng theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

c) Thực hiện theo ý kiến của Tòa án trong trường hợp người nộp đơn khởi kiện dân sự;

d) Bàn giao vụ việc để các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ có liên quan xử lý trong trường hợp xác định hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan hải quan;

đ) Dừng việc xử lý sau khi nhận được văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông báo về việc tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

e) Chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra, khởi tố theo quy định của pháp luật trong trường hợp xác định hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Bộ Luật hình sự.”

9. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Kiểm tra, giám sát hải quan

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và quy định tại Thông tư này. Nội dung kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thực hiện như sau:

1. Nội dung kiểm tra hồ sơ hải quan:

a) Kiểm tra thông tin khai về hàng hóa: người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác tên hàng, nhãn hiệu hàng hóa, quy cách phẩm chất, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, ký mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hóa theo quy định;

b) Kiểm tra, đối chiếu các thông tin khai trên tờ khai hải quan với các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan về tên hàng, nhãn hiệu, xuất xứ, trị giá, quy cách phẩm chất hàng hóa, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, ký mã hiệu, đặc tính, công dụng, tuyến đường vận chuyển của hàng hóa để xác định sự phù hợp;

c) Kiểm tra, đối chiếu thông tin về tên người xuất khẩu, tên người nhập khẩu, tên hàng, nhãn hiệu với các thông tin do Tổng cục Hải quan thông báo tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này và các thông tin do cơ quan hải quan thu thập để xác định hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả (nếu có).

Trường hợp người xuất khẩu, người nhập khẩu thuộc Danh sách những người có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện thông báo hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ cho chủ sở hữu quyền hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Trường hợp người xuất khẩu, người nhập khẩu không thuộc Danh sách người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa và Danh sách những người có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì cơ quan hải quan chỉ thông báo hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ cho chủ sở hữu quyền hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định tại Điều 14 Thông tư này trên cơ sở kiểm tra hồ sơ hải quan và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

d) Trường hợp qua kiểm tra, đối chiếu đủ cơ sở để xác định hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu là phù hợp, không có dấu hiệu là hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan hải quan tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan theo quy định.

Trường hợp qua kiểm tra, đối chiếu xác định có dấu hiệu nghi vấn, nội dung khai trên tờ khai hải quan không phù hợp với nội dung trong hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát đã được Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) thông

báo chấp nhận nhưng chưa đủ cơ sở để xác định hành vi vi phạm, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa, đồng thời chỉ rõ các dấu hiệu hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để công chức hải quan khi kiểm tra thực tế hàng hóa lưu ý kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra thực tế hàng hóa:

a) Kiểm tra, đối chiếu tên hàng, nhãn hiệu ghi trên bao bì, hàng hóa với tên hàng, nhãn hiệu do người khai hải quan khai trên tờ khai hải quan, các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, các thông tin cảnh báo khi kiểm tra hồ sơ hải quan (nếu có) để xác định sự phù hợp;

b) Kiểm tra, đối chiếu thực tế hàng hóa với hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát đã được Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) thông báo chấp nhận (ảnh chụp, mô tả, đặc điểm nhận biết hàng thật) để xác định hàng giả, hàng có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

c) Trường hợp có chưa đủ cơ sở xác định hàng hóa dấu hiệu là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, cần phải tiến hành điều tra, xác minh, làm rõ; công chức hải quan đề xuất lãnh đạo Chi cục chuyển thông tin cho lực lượng kiểm soát chống buôn lậu hải quan thuộc Cục hoặc chuyển Cục Điều tra chống buôn lậu (đối với vụ việc lớn, phức tạp) để thực hiện xác minh, điều tra, làm rõ và thực hiện tiếp thủ tục hải quan theo quy định;

d) Trường hợp xác định hàng hóa là hàng giả thì thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này. Trường hợp xác định hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, nếu phát hiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc nơi lưu giữ hàng hóa ban hành Quyết định tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế để tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại khoản 2 Điều này và xử lý theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 Thông tư này.

4. Trường hợp hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan căn cứ kết luận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành để xác định dấu hiệu hàng giả hoặc hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.”

10. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 13. Xử lý đối với hàng giả hoặc hàng hóa có dấu hiệu là hàng giả

1. Trường hợp đủ cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng giả thì xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp phát hiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu là hàng giả, căn cứ dấu hiệu và bản chất hàng hóa, người có thẩm quyền thực hiện ngay biện pháp ngăn chặn theo quy định tại khoản 3 Điều 119, Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ mức độ, hành vi vi phạm, cơ quan có thẩm quyền áp dụng thêm các biện pháp ngăn chặn khác theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 119 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xác minh hàng giả; việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn thực hiện theo quy định tại các Điều 126, Điều 127, Điều 128, Điều 129 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trong thời gian tạm giữ hàng hóa theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cơ quan hải quan nơi ban hành quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn thực hiện một hoặc kết hợp các công việc sau để xác định hàng giả:

a) Yêu cầu chủ hàng cung cấp: Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc chứng từ có giá trị tương đương; tài liệu kỹ thuật hoặc bản phân tích thành phần đối với hàng hóa nghi ngờ là hàng giả theo quy định tại điểm a, b, c, d, khoản 8 Điều 3 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/01/2013 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ;

b) Yêu cầu chủ sở hữu hàng thật bị làm giả (áp dụng đối với trường hợp đã xác định được chủ sở hữu) cung cấp tài liệu có liên quan đến hàng hóa (như: catalogue, kết luận giám định, tài liệu từ nước ngoài, kết quả xử lý các vụ việc tương tự...) để có cơ sở xác định hàng giả;

c) Trường hợp cần thiết, thực hiện lấy mẫu và giám định tại tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý Nhà nước hoặc thương nhân giám định (đối với trường hợp tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra có văn bản từ chối). Thủ tục lấy mẫu, kỹ thuật lấy mẫu thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 31 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, khoản 20 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Tài chính;

d) Phối hợp với lực lượng kiểm soát chống buôn lậu để thực hiện xác minh, điều tra theo nghiệp vụ quy định;

đ) Kết thúc thời hạn tạm giữ hoặc trong thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, trên cơ sở kết luận giám định (trường hợp thực hiện giám định) nếu đủ cơ sở kết luận hàng hóa bị nghi ngờ là hàng giả, cơ quan hải quan tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Trường hợp kết luận hàng hóa không phải là hàng giả, cơ quan hải quan thực hiện tiếp thủ tục thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan hải quan thực hiện thủ tục xử lý theo quy định tại Luật Tổ chức các cơ quan điều tra hình sự, Bộ Luật hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự.

3. Đối với những vụ việc phức tạp, hàng hóa có giá trị lớn, liên quan đến nhiều địa phương, cơ quan Nhà nước, tổ chức quốc tế, Chi cục Hải quan báo cáo Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Cục Hải quan tỉnh, thành phố) và Tổng cục Hải quan để kịp thời chỉ đạo giải quyết.

4. Việc giải quyết khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại do thực hiện biện pháp ngăn chặn của cơ quan hải quan gây ra của chủ hàng được thực hiện theo quy định hiện hành về giải quyết khiếu nại và trách nhiệm bồi thường nhà nước."

11. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 14. Xử lý đối với hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan thông báo hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo mẫu số 06-TB/SHTT/2020 Phụ lục ban hành kèm Thông tư này và gửi kèm hình ảnh của hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Thông báo được gửi bằng thư bảo đảm có dịch vụ báo phát SMS/email. Việc xử lý thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan, nếu chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp không có yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Trường hợp nhận được Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp đã thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan thực hiện:

b.1) Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

b.2) Trường hợp có đủ cơ sở xác định hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét quyết định áp dụng ngay các biện pháp xử lý theo quy định tại Điều 214 và Điều 215 Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời phối hợp với lực lượng kiểm soát các cấp để thu thập thông tin, điều tra, xác minh về hàng hóa để xử lý theo quy định;

c) Trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp không có văn bản đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan nhưng nộp một khoản tiền hoặc chứng từ bảo lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan hoặc có đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan nhưng không nộp một khoản tiền hoặc chứng từ bảo lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan không thực hiện việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa, trừ trường hợp phát hiện hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

2. Trường hợp không có thông tin yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhưng trong quá trình làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan phát hiện hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa (đối với trường hợp chưa kiểm tra thực tế hàng hóa), lấy mẫu hoặc chụp ảnh hàng hóa và căn cứ kết quả kiểm tra để quyết định thông quan hàng hóa hoặc tạm giữ hàng hóa để xử lý theo quy định.”

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 15

a) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Phạm vi trách nhiệm của lực lượng kiểm soát hải quan trong công tác chống hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật Hải quan, Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 và Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.”

b) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hải quan đối với hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, lực lượng kiểm soát hải quan có thẩm quyền áp

dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan để phát hiện, tiến hành điều tra, bắt giữ và xử lý hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và hàng giả theo quy định của pháp luật."

13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 16

a) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Khi tiếp nhận hoặc phát hiện thông tin về hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện đánh giá mức độ tin cậy của thông tin trên cơ sở biện pháp thu thập và nguồn thông tin thu thập. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm thì ban hành quyết định khám hoặc phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan/Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa để thực hiện kiểm tra theo quy định. Căn cứ các quy định pháp luật liên quan và kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa nếu có đủ cơ sở xác định hành vi vi phạm thì ban hành quyết định tạm giữ theo quy định."

b) Khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Tiến hành giám định, lấy lời khai, xác minh thu thập, củng cố chứng cứ để xác định rõ hành vi vi phạm, vai trò, vị trí của từng tổ chức, cá nhân; trị giá hàng hóa xâm phạm; yếu tố khách quan, chủ quan, động cơ mục đích, nguyên nhân, hậu quả, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ. Trên cơ sở chứng cứ thu thập được, phân loại chứng cứ trực tiếp, chứng cứ gián tiếp, tài liệu liên quan, tang chứng, vật chứng, xác định chứng cứ theo hướng xử lý hành chính hay hình sự. Trường hợp đủ 04 yếu tố cấu thành tội phạm thì xin ý kiến Viện Kiểm sát nhân dân chuyển cơ quan điều tra cùng cấp để khởi tố theo quy định."

c) Khoản 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Trường hợp có cơ sở để xác định hàng hóa vi phạm thì thực hiện hoặc phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan/Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc chuyển vụ việc nếu không thuộc thẩm quyền để cơ quan có thẩm quyền xử lý. Trường hợp không có cơ sở để xác định hàng hóa vi phạm thì chuyển hồ sơ cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan để tiếp tục thực hiện thủ tục thông quan cho lô hàng theo quy định tại Thông tư này."

14. Các mẫu được sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi mẫu số 01 - SHTT, 02 - SHTT, 03 - SHTT, 04 - SHTT, 05 - SHTT, 06 - SHTT ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mẫu số 01 - ĐĐN/SHTT/2020, 02 - ĐTD/SHTT/2020, 03 - QĐTD/SHTT/2020, 04 - GHTD/SHTT/2020, 05 - TT/SHTT/2020, 06 - TBTD/SHTT/2020 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2020.

2. Cơ quan hải quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo đúng quy định tại Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp thuế báo cáo, phản ánh, đề xuất cụ thể về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn thực hiện.

3. Quá trình thực hiện nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu 01-ĐĐN/SHTT/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày/date... tháng/month... năm/year.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CÓ YÊU CẦU BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ (APPLICATION OF REQUEST FOR CONTROL AND SUPERVISION ON IMPORT - EXPORT GOODS REQUESTED TO PROTECTION ON INTELLECTUAL PROPERTY)

Kính gửi/To:.....

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019/Pursuant to regulation at Articles 216, 217, 219 of Law on Intellectual Property dated 29 November 2005, Law on amending and supplementing some articles of the Law on Intellectual Property dated 19 June 2009, Law on amending and supplementing some articles of the Law on Insurance Business, Law on Intellectual Property dated 14 June 2019;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014/ Pursuant to regulation at Articles 73 and 74 of Law on Customs dated 23 June 2014;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 13/2015/TT-BTC/

Pursuant to Circular N°13/2015/TT-BTC dated 30/01/2015 of Ministry of Finance promulgating control, supervision and temporary suspension of doing customs procedures for export and import goods already requested for IP Protection; anti-counterfeit and goods violating IP Rights, Ciruclar N°13/2020/TT-BTC dated 06/3/2020 on amending and supplementing some articles of the Circular N° 13/2015/TT-BTC;

Người ký tên dưới đây đề nghị cơ quan Hải quan tiến hành các biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ đối với lô hàng bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo các nội dung sau:/The undersigned requests Customs Administration to, under the Law on Intellectual Property, implement the measures of examining and supervising import goods and export goods of the shipment being suspected of violating Intellectual Property Rights including the following content:

1. Người nộp đơn/*Applicant:*

- Tên/*Full name:*

- Số chứng minh thư/căn cước công dân/hộ chiếu (nếu là cá nhân)/*ID No./passport No. (in case of individual)*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax: - E-mail/Website:

2. Chủ sở hữu quyền/*IP owner:*

- Tên/*Full name:*

- Số chứng minh thư/căn cước công dân/hộ chiếu (nếu là cá nhân): *ID No./passport No. (in case of individual)*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax: - E-mail/Website:

3. Quyền sở hữu trí tuệ có yêu cầu bảo hộ *(ghi rõ là: quyền tác giả/quyền liên quan đến quyền tác giả/nhãn hiệu/chỉ dẫn địa lý...)*:

IP rights for protection *(clearly indicate: copyrights/related rights/trademarks/ geographic indicators, etc):*

- Tên văn bằng bảo hộ/*Name of IP Right Certificate:*

- Số/*No*: Ngày cấp văn bằng bảo hộ/*Date of issue:*

- Cơ quan cấp văn bằng bảo hộ/*Office of issue:*

- Thời hạn có hiệu lực của văn bằng bảo hộ/*Expiration:*

4. Phạm vi yêu cầu bảo hộ *(ghi rõ là trong phạm vi toàn quốc hay tại đơn vị Hải quan cụ thể):*

Area for IP protection *(clearly indicate: throughout the country or at specific Customs Administration)*:

5. Danh mục hàng hóa có yêu cầu bảo hộ *(người nộp đơn tự xác định và cung cấp để hỗ trợ cho cơ quan Hải quan trong quá trình phối hợp):*

List of goods for IP protection *(applicant himself to identify and provide in order to assist Customs Administration in the process of co-operation.):*

- Tên hàng/*Name of goods:*

- Mã HS (8 số)/*HS code (08 digits):*

6. Tài liệu gửi kèm *(Đánh dấu x vào loại giấy tờ nộp kèm):*

Accompanied documents *(mark x at the accompanied document submitted):*

□ Văn bằng bảo hộ/*Intellectual Property Right Certificate;*

□ Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ/*Description of goods infringing intellectual property rights;*

□ Ảnh chụp/*Photos;*

□ Các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ/*Characteristics of distinguishing genuine goods from goods infringing on intellectual property rights;*

□ Danh sách người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa/*List of legal goods importer(s) and/or export(s);*

□ Danh sách người xuất khẩu, nhập khẩu có khả năng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ /*List of importer(s) and/or export(s) suspected of infringing intellectual property rights;*

□ Văn bản ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền nộp đơn/*Power of Attorney or Contract of Attorney;*

□ Chứng từ nộp phí/ *Receipt of payment.*

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)
Full name, signature of the applicant and seal (if any)

Mẫu 02 -ĐTD/SHTT/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày/date... tháng/month... năm/year.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN
APPLICATION OF REQUEST FOR TEMPORARY SUSPENSION OF DOING CUSTOMS PROCEDURE

Kính gửi/To:.....

(Cơ quan Hải quan nơi ra thông báo tạm dừng làm thủ tục hải quan)/(Customs Administration issued the Announcement on temporary suspension of doing Customs procedure)

Căn cứ quy định tại Điều 216, 217, 219 Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019/Pursuant to regulation at Articles 216, 217, 219 of Law on Intellectual Property dated 29 November 2005, Law on amending and supplementing some articles of the Law on Intellectual Property dated 19 June 2009, Law on amending and supplementing some articles of the Law on Insurance Business, Law on Intellectual Property dated 14 June 2019;

Căn cứ quy định tại Điều 73, Điều 74, Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014/ *Pursuant to regulation at Articles 73 and 74 of Law on Customs N°54/2014/QH13 dated 23 June 2014*;

Căn cứ văn bản *(số/ngày)* của *(cơ quan Hải quan)* về việc chấp nhận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ *(số/ngày)* do *(tên của người nộp đơn) (nếu có)/Pursuant to the document (number/date) issued by (Customs Administration) about the acceptance on intellectual property protection for import and export goods with regard to the Application of Request*

for Control on import, export goods relating to Intellectual Property (number/date) submitted by (name of the applicant) (if any);

Trên cơ sở Chứng thư bảo lãnh *(số/ngày)* của *(tổ chức tín dụng)* hoặc khoản bảo đảm đã nộp cho cơ quan Hải quan theo *(giấy nộp tiền số/ngày/tại Ngân hàng...)/With the guarantee deposited at Customs Administration (Number of Cash Deposit Note/date/Bank...);*

Người ký tên dưới đây yêu cầu cơ quan Hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng theo... (thông báo số:... ngày... tháng... năm... của cơ quan Hải quan)*/The undersigned kindly requests Customs Administration to temporarily suspend Customs procedure for the shipment (regarding the Announcement Number... dated... issued by the Customs Administration)*.

Trường hợp xác định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chúng tôi đề nghị cơ quan Hải quan tiến hành việc xử lý hành vi vi phạm đối với *(người vi phạm)* theo thẩm quyền quy định của pháp luật/*In case the suspended goods are defined to violate intellectual property rights, we kindly request Customs Administration to handle the infringement in accordance with relevant laws and regulation*.

Chúng tôi cam kết bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật cho chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do việc đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra/*We commit to pay compensation for any damages and other costs rarsing from wrong temporary suspension of doing Customs procedure to the good owner in accordance with relevant laws and regulation.*

Họ tên, chữ ký của người nộp đơn và đóng dấu (nếu có)
Full name, signature of the applicant and seal (if any)

Mẫu 03-QĐTD/SHTT/2020

CỤC HẢI QUAN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CHI CỤC HẢI QUAN.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-SHTT	*....., ngày tháng năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN.....

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC;

Theo đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan số:.... ngày..... do..... nộp.

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng:..... thuộc tờ khai hải quan số:.... ngày:..... tại..... của..... địa chỉ:..... theo đề nghị của:..... địa chỉ:.....

Lý do tạm dừng: Lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với.....

Điều 2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Cơ quan hải quan, người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:	**CHI CỤC TRƯỞNG**
- Như Điều 3;	
- Cục GSQL; Cục Điều tra CBL (để biết);	
- Cục HQ ..... (để phối hợp);	
- Lưu: VT, ...(...b).	

Mẫu 04-GHTH/SHTT/2020

CỤC HẢI QUAN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CHI CỤC HẢI QUAN.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-SHTT	*....., ngày tháng năm 20 .....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN.....

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan;

Theo văn bản đề nghị gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan số:... ngày..... do..... nộp;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng:..... thuộc tờ khai hải quan số:..... ngày:..... tại..... của..... địa chỉ:..... theo đề nghị của:..... địa chỉ:.....

Điều 2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là ... ngày làm việc, được tính từ ngày kế tiếp ngay sau ngày Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan số ..... ngày:..... hết hạn.

Điều 3. Cơ quan hải quan, người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:	**CHI CỤC TRƯỞNG**
- Như Điều 3;	
- Cục GSQL; Cục Điều tra CBL (để biết);	
- Cục HQ ..... (để phối hợp);	
- Lưu: VT,.....(...b).	

Mẫu 05-TT/SHTT/2020

CỤC HẢI QUAN..... **CHI CỤC HẢI QUAN.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-SHTT	*....., ngày tháng năm 20 .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp tục làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN.....

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính Quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC;

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục làm thủ tục hải quan với lô hàng thuộc tờ khai hải quan số: ..... ngày.../.../..... của Công ty:..... địa chỉ..... đã bị tạm dừng làm thủ tục hải quan theo Quyết định số..... của Chi cục Hải quan.....

Lý do:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cơ quan hải quan, người nộp đơn tạm dừng, chủ hàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Cục GSQL; Cục Điều tra CBL (để biết); - Cục HQ ..... (để phối hợp); - Lưu: VT, ...(...b).	**CHI CỤC TRƯỞNG**

Mẫu 06-TBTD/SHTT/2020

CỤC HẢI QUAN..... **CHI CỤC HẢI QUAN.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	*....., ngày tháng năm 20.....*

THÔNG BÁO

Về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC;

Căn cứ thông báo tại công văn số:.... ngày ..... của Tổng cục Hải quan;

Trong quá trình làm thủ tục hải quan, cơ quan Hải quan đã phát hiện lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với các thông tin sau:

1	Số tờ khai hải quan	
2	Tên hàng	
3	Số lượng	
4	Trị giá	
5	Xuất xứ	
6	Người nhập khẩu	
7	Người xuất khẩu	
8	Số invoice	

Dấu hiệu nghi ngờ lô hàng nêu trên xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: .....

.....

Trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, yêu cầu.... (người nộp đơn).... tiến hành thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan theo đúng quy định của pháp luật. Thông tin gửi cơ quan hải quan:

Chi cục Hải quan:.....

Địa chỉ/số điện thoại liên lạc:.....

Số tài khoản:..... Ngân hàng:.....

Nơi nhận:
- Công ty .....;
- Cục GSQL; Cục Điều tra CBL (để phối hợp);
- Cục HQ ..... (để phối hợp);
- Lưu: VT, ...(...b).

CHI CỤC TRƯỞNG